TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2020/Q§ST-HNG§	*TP Thanh Hoá, ngày 16 tháng 11 năm 2020*

QuyÕt ®Þnh
C¤NG NHËN THUËN T×NH LY H¤N
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Căn cứ vµo §iÒu 212, §iÒu 213 vµ §iÒu 397 cña Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào §iÒu 55 của LuËt H«n nh©n vµ Gia ®×nh;

C¨n cø Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2020/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Ông Phùng Ngọc T - Sinh n¨m 1960.

Bà Đỗ Thị N - Sinh n¨m 1962.

Cïng ®Þa chØ: Số nhà 75B, đường Lê Thánh T, phường Đông V, thành phố Thanh Hãa, tØnh Thanh Hãa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Phùng Ngọc T và bà Đỗ Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đông V, thị xã Thanh Hóa (nay là UBND phường Đông V, thành phố Thanh Hóa) vào năm 1985. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của ông bà đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Nay ông T và bà N đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà N không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của ông bà về việc thuận tình ly hôn là có căn cứ nên công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông T và bà N có ba con chung là cháu: Phùng Thị Thúy H - sinh năm 1986, cháu Phùng Thị H1 – sinh năm 1988 và cháu Phùng Thị Thu P – sinh năm 1990. Hiện nay cả ba con đều đã thành niên nên ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

[3] Về tài sản và công nợ chung: Ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông T và bà N thỏa thuận, ông T là người cao tuổi nên được miễn lệ phí ly hôn sơ thẩm, bà N chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của ông bà nên chấp nhận.

[5] Viöc thuËn tœnh ly h«n vµ tháa thuËn cña các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngµy 06 tháng 11 năm 2020 lµ hoµn toµn tù nguyÖn, không vi phạm điều cấm của ph¸p luËt, kh«ng tr¸i ®¹o ®øc x· héi.

§· hÕt thêi h¹n 07 ngµy, kÓ tõ ngµy lËp Bi³n b¶n hoµ gi¶i đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay ®æi ý kiÕn vÒ sù tho¶ thuËn ®ã.

QuyÕt ®þnh:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phùng Ngọc T và bà Đỗ Thị N.

- Về con chung: Ông T và bà N có ba con chung là cháu: Phùng Thị Thúy H - sinh năm 1986, cháu Phùng Thị H1 – sinh năm 1988 và cháu Phùng Thị Thu P – sinh năm 1990. Hiện nay cả ba con đều đã thành niên nên ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

-Về tài sản chung, công nợ chung: Ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Phùng Ngọc T là người cao tuổi nên được miễn lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Đỗ Thị N phải nộp 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. QuyÕt ®þnh nµy cã hiÖu lùc ph¸p luật ngay sau khi được ban hành và kh«ng bþ kh¸ng c¸o, kh¸ng nghþ theo thñ tôc phóc thÈm.

N¬i nhËn:
- VKSND TP Thanh Hãa;
- Đương sự;
- Chi côc THADS TP Thanh Hãa;
- UBND P. Đông V, TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
đã ký

Trần Thị Thu Phương